TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2019/HNGĐ–ST
Ngày: 18/09/2019
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hùng Bích

2. Ông Đặng Hữu Tấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Trung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nhựt - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 09 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 174/2018/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 03 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 08 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Hồng N, sinh năm 1996, cư trú số: 109/239 khóm MP, phường MQ, thành phố LX, tỉnh AG. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1987, cư trú số: 50/3 khóm MP, phường MQ, thành phố LX, tỉnh AG. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 02 năm 2019, trong quá trình xét xử, nguyên đơn Bà Trần Thị Hồng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Bà Trần Thị Hồng N và Ông Trần Văn T do mai mối, được gia đình cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn theo giấy trích lục kết hôn số 70/TLKH-BS ngày 22 tháng 11 năm 2016. Hôn nhân lần thứ nhất của bà N và hôn nhân lần thứ hai của ông T. Thời gian đầu sống chung vợ chồng rất hạnh phúc cho đến tháng 11 năm 2018 phát sinh mâu thuẫn do Ông T không quan tâm vợ con, thường xuyên cờ bạc, gây nợ nần. Nay, tình cảm vợ chồng không còn, bà N không còn yêu thương gì đối với ông T, nên yêu cầu Tòa án xem xét cho bà được ly hôn với ông T.

Về quan hệ con chung: Trong thời gian sống chung vợ chồng có một con chung tên Trần Thị Thảo D, sinh ngày 15 tháng 01 năm 2017. Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu Ông Tcấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, Ông Trần Văn T vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng N có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 08 tháng 08 năm 2019, bà N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông Trần Văn T vắng mặt.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách đương sự, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, thư ký phiên tòa, sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa. Đối với nguyên đơn bà N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt là phù hợp quy định pháp luật. Riêng bị đơn Ông T vắng mặt không đến Tòa án giải quyết là không Thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của ông và phải chịu hậu quả theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự có trong hồ sơ vụ án: bà N và Ông T đăng ký kết hôn năm 2016. Giữa bà N và Ông T phát sinh mâu thuẫn, nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N đối với Ông T là phù hợp quy định tại điều 51, điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung, cháu Trần Thị Thảo D, sinh ngày 15 tháng 01 năm 2017 hiện nay sống chung với bà N, được bà chăm lo tốt, có nơi ở ổn định nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà N được trực tiếp nuôi con chung. Về cấp dưỡng, bà N không yêu cầu Ông T không cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay Bà Trần Thị Hồng N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 08 tháng 08 năm 2019. Căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà N là phù hợp quy định pháp luật.

Riêng đối với Ông Trần Văn T, Tòa án đã tiến hành tống đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Ông Trần Văn T không đến Tòa và vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông T.

[2] Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án: Bà Trần Thị Hồng N và Ông Trần Văn T trên cơ sở tự nguyện của cả hai, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường MP, thành phố LX, tỉnh AG theo trích lục kết hôn bản sao số 70/TLKH-BS ngày 22 tháng 11 năm 2016, được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay, bà N và Ông T phát sinh mâu thuẫn, bà N xin ly hôn nên Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do ông T không quan tâm chăm sóc vợ con, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Trong thời gian sống chung bà N luôn tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng, hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

[4] Xét, hôn nhân giữa bà N và Ông T mâu thuẫn phát sinh ngày càng trầm trọng, đời sống chung không Thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Hiện nay, bà N không còn tình cảm với ông T, không yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẽ khó khăn trong cuộc sống và chăm lo hạnh phúc gia đình, chăm lo con cái. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2018. Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, Ông T vắng mặt, không Trình ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà N tức là ông đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của ông đã được pháp luật quy định nên không có căn cứ xét yêu cầu của ông T. Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà N được ly hôn với ông T.

[6] Về quan hệ con chung: Trong thời gian sống chung vợ chồng có một con chung tên Trần Thị Thảo D, sinh ngày 15 tháng 01 năm 2017 (nữ). Hiện nay, con chung đang sống ổn định với bà N, được bà N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tốt. Do đó, xét cần thiết phải giao con chung tên Trần Thị Thảo D cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng, bà N không yêu cầu Ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét, nếu có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con chung sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án khác nếu có.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu xem xét giải quyết, không xét đến.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà N nộp tiền án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Điều 8, Điều 9, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Khoản 3 Điều 228, Điều 233, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu của Bà Trần Thị Hồng N được ly hôn với Ông Trần Văn T.

Về quan hệ con chung: Bà Trần Thị Hồng N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trần Thị Thảo D, sinh ngày 15 tháng 01 năm 2017. Ông Trần Văn T

không cấp dưỡng nuôi con chung do bà N không yêu cầu. Bà N phải tạo điều kiện thuận lợi cho Ông T được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con chung không cố định.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Hồng N và Ông Trần Văn T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Hồng N nộp số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002829, ngày 26 tháng 03 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Bà Trần Thị Hồng N, Ông Trần Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của bà N, ông T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-VKSND TPLX;
-Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Văn Phương